TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIAG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 37/2020/DS-ST
Ngày: 11-9-2020
V/v "TrAh chấp
Hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIAG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

** Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Vân

** Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Giáp Hồng ThAh
2. Ông Nguyễn Quốc Sửu

- Thư ký phiên toà: Bà Vi Thị LA Phương- Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc GiAg

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huệ- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc GiAg xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2020/TLST- DS ngày 13 tháng 7 năm 2020 về việc "TrAh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 190/2020/QĐXXST- DS ngày 24 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên toà số 121/2020/QĐST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** *Ah Đặng Quốc T, sinh năm 1972 (có mặt)*

Nơi cư trú: Thôn Khánh Ninh, xã Ngọc Châu, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc GiAg.

**** Bị đơn:*** *Ah Nguyễn Văn B, sinh năm 1984 (vắng mặt)*

Nơi cư trú: Thôn Khánh Ninh, xã Ngọc Châu, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc GiAg

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quA:***

- Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Khánh Ninh, xã Ngọc Châu, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc GiAg.

- Chị Hoàng Thị Hồng T, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Khánh Ninh, xã Ngọc Châu, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc GiAg.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ghi ngày 01/7/2020 và bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải nguyên đơn Ah Đặng Quốc T trình bày:

Anh và vợ chồng Anh Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị A có quan hệ quen biết và là người cùng xóm. Gia đình Anh kinh doanh thức ăn chăn nuôi tại thôn Khánh Ninh, xã Ngọc Châu. Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2016 đến tháng 11/2017, vợ chồng Anh B, chị A có nhiều lần mua cám của vợ chồng Anh để chăn nuôi lợn, cá. Khi mua cám, theo thỏa thuận với vợ chồng Anh B thì Anh cho ôtô chở cám về tận nhà cho vợ chồng Anh B. Các lần giao cám thì có lần Anh B nhận, có lần chị A nhận. Anh và vợ chồng Anh B cũng thỏa thuận là bán cám trả tiền ngay theo giá niêm yết tại cửa hàng, nếu vợ chồng Anh B chưa có tiền trả ngay thì Anh cho nợ lại trong 7 đến 10 ngày nhưng vợ chồng Anh B phải trả Anh tiền lãi theo lãi suất 1%/tháng tính trên số nợ gốc. Mỗi lần vợ chồng Anh B mua cám, trả tiền và nợ lại thì Anh đều ghi vào sổ của Anh để theo dõi và yêu cầu Anh B, chị A ký nhận nợ. Đến ngày 11/11/2017, Anh tiến hành chốt sổ xác định vợ chồng Anh B, chị A còn nợ Anh số tiền 256.389.000 đồng tiền cám. Anh có yêu cầu Anh B, chị A ký xác nhận. Chị A có tự tay viết phần nhận nợ là "Chốt nợ cũ: 256.389.000. Bằng chữ: (Hai trăm năm sáu triệu ba trăm tám chín)". Anh B, chị A còn cam kết trả lãi cho Anh, hẹn 3 tháng sau sẽ trả đủ, chị A tự tay viết là "Kể từ ngày 11/11/2017. B A trả 1% lãi xuất của số nợ trên. Không quá 3 tháng trả cả gốc lẫn lãi". Chữ ký và viết tên "A - Nguyễn Thị A" và "B - Nguyễn Văn B" ở dưới phần chốt nợ này là là do chị A, Anh B viết và ký.

Sau khi chốt nợ ngày 11/11/2017, Anh B, chị A có mua cám 03 lần nữa vào các ngày 12/11/2017, 15/11/2017, 01/12/2017 hết tổng số 16.667.000 đồng, đã trả 10.000.000 đồng còn nợ 6.667.000 đồng. Mỗi lần mua đều có Anh B hoặc chị A ký nhận nợ. Như vậy tính đến ngày 01/12/2017 thì Anh B, chị A còn nợ Anh số tiền gốc mua cám là 256.389.000 đồng + 6.667.000 đồng = 263.056.000 đồng (Hai trăm sáu mươi ba triệu không trăm lăm sáu nghìn đồng).

Từ sau ngày 01/12/2017 đến nay thì Anh B, chị A không mua cám nhà Anh lần nào nữa. Anh có nhiều lần đến nhà gặp Anh B, chị A để yêu cầu trả nợ, có lần gặp Anh B, có lần gặp chị A nhưng cả Anh B, chị A đều chưa trả cho Anh được khoản nào trong số tiền trên. Số tiền bán cám mà vợ chồng Anh B, chị A còn nợ là tài sản chung của vợ chồng Anh. Nay Anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng Anh B, chị A phải trả Anh số tiền gốc mua cám còn nợ là 263.056.000 đồng (Hai trăm sáu ba triệu không trăm lăm sáu nghìn đồng) và tiền lãi tính theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 01/12/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, Anh T có mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Anh B, chị A phải trả Anh số tiền gốc mua cám của vợ chồng Anh còn nợ là 263.056.000 đồng và tiền lãi tính theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 01/12/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 11/9/2020. Ngoài ra,anh không có yêu cầu gìkhác.

*Tại bản tự khai ngày 13/7/2020 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị Hồng T trình bày:

Vợ chồng chị mở của hàng bán thức ăn chăn nuôi cho lợn, gà, cá. Ngày 03/12/2016 dương lịch, Anh B và chị A có đặt vấn đề với vợ chồng chị bán cám cho Anh B, chị A. Các bên thỏa thuận giá bán và mua cám giá tiền ngay theo giá niêm yết của cửa hàng nhà chị và giá chậm trả tính theo lãi suất là 01%/tháng.

Sau khi thỏa thuận xong, chị là người trực tiếp chở cám đến giao cho Ah B, chị A. Mỗi lần giao nhận hàng Ah B, chị A đều ký nhận. Việc ký nhận hàng có lúc Ah B ký, có lúc chị A ký. Trong quá trình mua cám Ah B, chị A có trả tiền một số lần, sau đó đến giai đoạn cuối thì không trả được, vợ chồng chị đến tận nhà để chốt nợ. Ah B và chị A đã xác nhận số nợ và ký nhận chốt nợ. Do không có tiền mặt trả nợ, Ah B chị A đã đồng ý chịu lãi suất 01%/tháng đối với số tiền gốc còn nợ lại là 263.056.000 đồng (Hai trăm sáu ba triệu không trăm lăm sáu nghìn đồng). Ah B chị A chốt nợ ngày 01/12/2017 với tổng số tiền trên. Sau khi chốt nợ chị đã đến nhiều lần đòi tiền vợ chồng Ah B, chị A cố tình không trả. Nay chị yêu cầu vợ chồng Ah B, chị A phải có trách nhiệm trả vợ chồng chị số tiền còn nợ và do chị bận công việc nên chị ủy quyền cho chồng chị là Ah T tham gia giải quyết vụ án và ý kiến của chị cũng là ý kiến của Ah T.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị Hoàng Thị Hồng T vắng mặt.

* Tại các buổi làm việc tại Tòa án, Tòa án đã giao gửi thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ, quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, thông báo hòa giải bị đơn Ah Nguyễn Văn B, nguwoif có quyền lợi nghĩa vụ liên quA chị Nguyễn Thị A đều vắng mặt và không có ý kiến gì về việc khoản nợ yêu cầu của nguyên đơn Ah T.

Tại phiên tòa hôm nay Ah Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị A vắng mặt.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa nguyên đơn Ah T chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn Ah B; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quA chị A, chị T chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Áp dụng khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 236/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ah Đặng Quốc T. Buộc vợ chồng Ah B, chị A phải liên đới trả cho Ah T, chị T tổng số tiền là 362.360.000 đồng trong đó số tiền gốc là 263.056.000 đồng và tiền lãi là 99.304.000 đồng.

Về án phí Vợ chồng Ah B, chị A phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trAh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án TrAh chấp hợp đồng mua bán tài sản giữa Ah Đặng Quốc T và Ah Nguyễn Văn B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn Ah Nguyễn Văn B; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quA chị Nguyễn Thị A, chị Hoàng Thị Hồng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người trên.

[3] Về quA hệ pháp luật: Ah Đặng Quốc T có đơn khởi yêu cầu Ah Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị A có trách nhiệm trả số tiền gốc còn nợ là 263.056.000 đồng và số tiền lãi 10%/năm tính từ ngày 01/12/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 11/9/2020 được xác định là quA hệ trAh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản" theo Điều 430 của Bộ luật dân sự.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của Ah Đặng Quốc T, Hội đồng xét xử thấy:

* Về nghĩa vụ trả tiền và số tiền phải trả:

- Tại giấy chốt nợ ngày 01/12/2017 với tổng số tiền là 263.056.000 đồng, có chữ ký của Ah Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị A; tại biên bản lấy lời khai Ah T cũng khẳng định chữ viết và chữ ký trong giấy chốt nợ là chữ viết và chữ ký của chị A, Ah B. Các buổi làm việc và hòa giải thìAh B, chị A đều vắng mặt, không có ý kiến và cũng không cung cấp được các tài liệu chứng cứ cho Tòa án để bảo vệ quyền lợi ích cho mình. Mặt khác, Ah T, chị T trình bày trong giấy chốt nợ có cả Ah B, chị A ký nhận nợ và mục đích mua cám để chăn nuôi phát triển kinh tế gia đình, xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng Ah B, chị A. Ah T, chị T đều trình bày số tiền bán cám đây là số tiền chung của vợ chồng. Do vậy, cần buộc vợ chồng Ah B, chị A phải có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng Ah T, chị T số tiền trên. Tại phiên tòa hôm nay Ah T vẫn giữ nguyên yêu cầu Ah B, chị A có trách nhiệm phải trả số tiền còn nợ gốc là 263.056.000 đồng và và tiền lãi 10%/năm kể từ ngày 01/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 11/9/2020. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy cần buộc vợ chồng Ah B và chị A có trách nhiệm liên đới phải trả nợ cho vợ chồng Ah T và chị T số tiền gốc còn nợ là 263.056.000 đồng.

- Số tiền lãi Ah T yêu cầu trả là 10%/năm tính từ ngày 01/12/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 11/9/2020 thì Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp với quy định của pháp luật. Cụ thể số tiền lãi là:

Thời điểm từ ngày 01/12/2017 đến ngày 11/9/2020 là 03 năm 09 tháng 10 ngày: 03 năm x 263.056.000 đồng x 10% + 09 tháng x 263.056.000 đồng x 0.83% + 10 ngày x 263.056.000 đồng x 0,028% = 78.917.000 đồng + 19.650.000 đồng + 737.000 đồng = 99.304.000 đồng.Tổng số tiền lãi mà Ah B, chị A phải trả cho Ah T, chị T là 99.304.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà vợ chồng Ah B, chị A phải trả cho vợ chồng Ah T, chị T cả gốc và lãi là 362.360.000 đồng. Trong đó tiền gốc là 263.056.000 đồng và tiền lãi là 99.304.000 đồng.

[5] Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Do bị đơn Ah B vắng mặt tại phiên tòa nên không thỏa thuận được lãi suất chậm thi hành án, lãi suất chậm trả thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của Ah Đặng Quốc T được chấp nhận nên Ah B, chị A phải có nghĩa vụ liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền án phí phải chịu là: 362.360.000 đồng x 5% = 18.118.000 đồng.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Điều 430; Điều 431; Điều 434; Điều 440; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA thường vụ Quốc hội.

Xử:

[1] Về nghĩa vụ trả nợ:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ah Đặng Quốc T. Buộc Ah Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị A phải có nghĩa vụ liên đới trả Ah Đặng Quốc T và chị Hoàng Thị Hồng T tổng số tiền cả gốc và lãi là 362.360.000 đồng (Ba trăm sáu mươi hai triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng); trong đó tiền gốc là 263.056.000 đồng (Hai trăm sáu mươi ba triệu không trăm lăm mươi sáu nghìn đồng) và tiền lãi là 99.304.000 đồng (Chín mươi chín triệu ba trăm linh tư nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời giA chưa thi hành án.

[2] Án phí

Ah Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị A phải có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền 18.118.000 đồng (Mười tám triệu một trăm mười tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ah Đặng Quốc T số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2018/0006422 ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên.

[3] Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quA vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9

của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAD tỉnh Bắc GiAg;
- VKSND tỉnh Bắc GiAg;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân